

Thái Hoà, ngày 26 tháng 9 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 150/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1993.

Nơi ĐKKHKT: Xóm A, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Xóm V, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Trương Văn L, sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm A, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào các Điều 28; 48; 212; 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2019, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị L, sinh năm 1993.

Anh Trương Văn Long, sinh năm 1990.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Bùi Thị L và anh Trương Văn L thoả thuận, thống nhất thuận tình ly hôn.

* **Về nuôi con chung:**

Giao cho anh Trương Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục hai con

chung của chị L và anh L là Trương Thị Khánh L, sinh ngày 22/4/2013 và Trương Quốc B, sinh ngày 14/6/2014, cho đến khi con chung trưởng.

Chị Bùi Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng với số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng), mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng thi hành kể từ tháng 10/2019 cho đến khi con chung trưởng thành.

Chị Bùi Thị L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* **Về chia tài sản:** Chị Bùi Thị L, anh Trương Văn L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về án phí:** Chị Bùi Thị L thoả thuận chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí LHST và 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí DSST (án phí cấp dưỡng nuôi con). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Bùi Thị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa theo biên lai số 0000972 ngày 26/8/2019 (chị Bùi Thị L đã nộp đủ tiền án phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Thái Hoà;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hoà;
- UBND xã N, huyện Q (để ghi vào sổ hộ tịch, GCNKH số 01 ngày 11/01/2013);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(*đã ký*)

Lê Văn Diên